

NGHỊ QUYẾT
Về việc thông qua Quy chế quản lý kiến trúc đô thị
thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH
KHÓA XIII KỲ HỌP THỨ 11

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17
tháng 6 năm 2020;*

Căn cứ Luật Kiến trúc ngày 13 tháng 6 năm 2019;

*Căn cứ Nghị định số 85/2020/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2020 của
Chính phủ về Quy định chi tiết một số điều của Luật Kiến trúc.*

*Xét Tờ trình số 132/TTr-UBND ngày 06 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban
nhân dân tỉnh Bình Định về việc đề nghị thông qua Quy chế quản lý kiến trúc đô
thị thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định; Báo cáo thẩm tra số 67/BC-KTNS ngày
07 tháng 7 năm 2023 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý
kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Nhất trí thông qua Quy chế quản lý kiến trúc đô thị thành phố Quy
Nhơn, tỉnh Bình Định, với các nội dung chính sau:

1. Mục tiêu

- Nhằm quản lý kiến trúc, cảnh quan đô thị trong phạm vi thành phố Quy
Nhơn; kiểm soát việc xây dựng mới, cải tạo, chỉnh trang đô thị theo định hướng
phát triển kiến trúc bền vững, đáp ứng đồng thời việc bảo tồn, phát huy giá trị
các công trình kiến trúc có giá trị, bảo vệ cảnh quan, bản sắc văn hóa và yêu cầu
phát triển kinh tế - xã hội cho đô thị thành phố Quy Nhơn.

- Là một trong những căn cứ để lập đồ án quy hoạch đô thị, quy hoạch xây
dựng, thiết kế đô thị riêng và cấp giấy phép xây dựng; cơ sở để lập kế hoạch
triển khai thực hiện thiết kế đô thị riêng, chỉnh trang không gian kiến trúc cảnh

quan các khu dân cư hiện hữu; lập danh mục các dự án cải tạo đô thị để đầu tư xây dựng và quản lý kiến trúc cho đô thị thành phố Quy Nhơn.

- Quy định cụ thể trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc thực hiện Quy chế quản lý kiến trúc đô thị thành phố Quy Nhơn.

2. Đối tượng áp dụng và phạm vi điều chỉnh

a) Đối tượng áp dụng: Các tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động kiến trúc và xây dựng công trình kiến trúc trên địa bàn đô thị thành phố Quy Nhơn.

b) Phạm vi điều chỉnh: Quy chế này quy định quản lý kiến trúc đô thị trên địa bàn thành phố Quy Nhơn, bao gồm 16 phường và 05 xã: Trần Phú, Lê Lợi, Trần Hưng Đạo, Lê Hồng Phong, Lý Thường Kiệt, Nguyễn Văn Cừ, Hải Cảng, Quang Trung, Thị Nại, Ngô Mây, Đống Đa, Ghềnh Ráng, Nhơn Bình, Nhơn Phú, Trần Quang Diệu, Bùi Thị Xuân và các xã: Nhơn Lý, Nhơn Hội, Nhơn Hải, Nhơn Châu, Phước Mỹ.

3. Nội dung chính của Quy chế

Quy chế gồm 04 Chương, 17 Điều, cụ thể như sau:

a) Chương I: Quy định chung, gồm:

- Điều 1. Mục tiêu;
- Điều 2. Đối tượng điều chỉnh và phạm vi áp dụng;
- Điều 3. Giải thích từ ngữ;
- Điều 4. Nguyên tắc quản lý kiến trúc trong đô thị;
- Điều 5. Công trình phải tổ chức thi tuyển phương án kiến trúc.

b) Chương II: Quản lý kiến trúc, không gian cảnh quan, gồm:

- Điều 6. Định hướng kiến trúc, không gian cảnh quan;
- Điều 7. Yêu cầu về bản sắc văn hóa dân tộc trong kiến trúc;
- Điều 8. Quy định đối với khu vực có yêu cầu quản lý đặc thù;
- Điều 9. Quy định đối với kiến trúc các loại hình công trình;
- Điều 10. Quy định đối với kiến trúc công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị;
- Điều 11. Các yêu cầu khác.

c) Chương III: Quản lý, bảo vệ công trình kiến trúc có giá trị, gồm:

- Điều 12. Các quy định quản lý các công trình đã được xếp hạng theo pháp luật về Di sản văn hóa;
- Điều 13. Các quy định quản lý công trình thuộc Danh mục kiến trúc có giá trị.

d) Chương IV: Tổ chức thực hiện, gồm:

- Điều 14. Tổ chức thực hiện Quy chế;

- Điều 15. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc thực hiện Quy chế quản lý kiến trúc;

- Điều 16. Kiểm tra, thanh tra, báo cáo và xử lý vi phạm;

- Điều 17. Điều chỉnh, bổ sung Quy chế.

4. Các yêu cầu về nội dung quy chế

a) Yêu cầu về quản lý kiến trúc:

- Bảo đảm tính thống nhất trong việc quản lý từ không gian tổng thể đến không gian cụ thể của công trình kiến trúc;

- Bảo đảm an toàn cho con người, công trình kiến trúc và khu vực tập trung dân cư trước tác động bất lợi do thiên nhiên hoặc con người gây ra;

- Không tác động tiêu cực đến cảnh quan thiên nhiên, di tích lịch sử - văn hóa, công trình kiến trúc có giá trị và môi trường sinh thái;

- Bảo đảm sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.

b) Yêu cầu đối với kiến trúc đô thị:

- Hòa hòa với không gian, kiến trúc, cảnh quan chung của khu vực xây dựng công trình kiến trúc; gắn kết kiến trúc khu hiện hữu, khu phát triển mới, khu bảo tồn, khu vực giáp ranh đô thị và nông thôn, phù hợp với cảnh quan thiên nhiên;

- Sử dụng màu sắc, vật liệu, trang trí mặt ngoài của công trình kiến trúc phải bảo đảm mỹ quan, không tác động xấu tới thị giác, sức khỏe con người, môi trường và an toàn giao thông;

- Kiến trúc nhà ở phải kết hợp hài hòa giữa cải tạo với xây dựng mới, phù hợp với điều kiện tự nhiên và khí hậu, gắn công trình nhà ở riêng lẻ với tổng thể kiến trúc của khu vực;

- Công trình công cộng, công trình phục vụ tiện ích đô thị trên tuyến phố phải bảo đảm yêu cầu thẩm mỹ, công năng sử dụng, bảo đảm an toàn cho người và phương tiện giao thông;

- Hệ thống biển báo, quảng cáo, chiếu sáng, trang trí đô thị phải tuân thủ quy chuẩn, quy hoạch quảng cáo ngoài trời, phù hợp với kiến trúc chung của khu đô thị;

- Công trình tượng đài, điêu khắc, phù điêu, đài phun nước và các công trình trang trí khác phải được thiết kế phù hợp với cảnh quan, đáp ứng yêu cầu sử dụng và thẩm mỹ nơi công cộng;

- Công trình giao thông phải được thiết kế đồng bộ, bảo đảm yêu cầu sử dụng, thẩm mỹ và tính chất của đô thị.

c) Yêu cầu về thiết kế kiến trúc:

Thiết kế kiến trúc phải tích hợp giải pháp kiến trúc với quy hoạch; phải xem xét toàn diện các yêu cầu về kinh tế - xã hội, công năng, kỹ thuật, phòng, chống cháy, nổ, bảo vệ môi trường, sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, bản sắc văn

W. Uhas

hóa dân tộc và các yêu cầu khác đối với công trình; bảo đảm người khuyết tật, người cao tuổi, trẻ em dễ dàng tiếp cận sử dụng; bảo đảm bình đẳng giới.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế và tổ chức thực hiện theo đúng các quy định của pháp luật.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Định Khóa XIII Kỳ họp thứ 11 thông qua và có hiệu lực từ ngày 14 tháng 7 năm 2023. /.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh, CP (báo cáo);
- VPQH, VPCP, Bộ Xây dựng;
- TT Tỉnh ủy (b/cáo), TT HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh, Đoàn ĐBQH tỉnh, Đại biểu HĐND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Các sở, ban, ngành liên quan;
- VP: Tỉnh ủy, ĐĐBQH&HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- TT Tin học - Công báo tỉnh;
- Lưu: VP, hồ sơ kỳ họp. *th*

th zha
CHỦ TỊCH



Hồ Quốc Dũng